

Số: 430 /QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2012

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 40.....

Ngày: 16 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông năm 2012

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 50/2011/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Bộ Thông tin và Truyền thông năm 2012.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thủ trưởng;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Trung tâm Thông tin (để đưa tin);
- Lưu: VT, P.KSTTHC(02), DTTL.18

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thành Hưng

		Viện pháp		Mức độ ưu tiên
<p>Đưa đi... trong... giấy phép...</p>	<p>Cục...</p>	<p>Văn phòng: Mục Pháp chế.</p>	<p>Quy II</p>	<p>- Báo cáo...</p>
<p>...</p>	<p>Cục...</p>	<p>Văn phòng: Mục Pháp chế.</p>	<p>Quy II</p>	<p>- Báo cáo...</p>
<p>...</p>	<p>Cục...</p>	<p>Văn phòng: Mục Pháp chế.</p>	<p>Quy II</p>	<p>- Báo cáo...</p>
<p>...</p>	<p>Cục...</p>	<p>Văn phòng: Mục Pháp chế.</p>	<p>Quy II</p>	<p>- Báo cáo...</p>
<p>...</p>	<p>Cục...</p>	<p>Văn phòng: Mục Pháp chế.</p>	<p>Quy C</p>	<p>- Báo cáo...</p>
<p>...</p>	<p>Cục...</p>	<p>Văn phòng: Mục Pháp chế.</p>	<p>Quy III</p>	<p>- Báo cáo...</p>
<p>...</p>	<p>Cục...</p>	<p>Văn phòng: Mục Pháp chế.</p>	<p>Quy II</p>	<p>- Báo cáo...</p>

14	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	Cục Viễn thông	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý III	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị và đề xuất.
15	Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	Cục Viễn thông	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý III	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị và đề xuất.
16	Gia hạn thời gian thử nghiệm của giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	Cục Viễn thông	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý III	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị và đề xuất.
17	Kiểm định đối với công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông	Cục Viễn thông	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý III	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị và đề xuất.
18	Chứng nhận hợp quy áp dụng đối với sản phẩm sản xuất trong nước của các đơn vị đã có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm và sản phẩm nhập khẩu	Cục Viễn thông	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý IV	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị và đề xuất.
19	Cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện	Cục Viễn thông	Văn phòng; Vụ Pháp chế; Cục Tần số VTĐ.	Quý IV	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị và đề xuất.
20	Công bố chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông	Trung tâm Internet Việt Nam	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý IV	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị và đề xuất.

14	<p>13.46 bổ sung quy áp dụng đối với sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành CNTT & TT bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy.</p>	Trung tâm Internet Việt Nam	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quy III	- Báo cáo kết quả là soát, kiến nghị và đề xuất.
Lĩnh vực Tản số vô tuyến điện					
15	<p>13.47 cấp giải phóng nhận các tờ chức đủ điều kiện tổ chức khai, chấm thi vô tuyến điện nghiệp dư.</p>	Vụ Tổ chức cán bộ	Văn phòng; Vụ Pháp chế; Cục Tản số VTD.	Quy II	- Báo cáo kết quả là soát, kiến nghị và đề xuất.
16	<p>13.48 cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh.</p>	Cục Tản số VTD	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quy II	- Báo cáo kết quả là soát, kiến nghị và đề xuất.
17	<p>13.49 cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động.</p>	Cục Tản số VTD	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quy II	- Báo cáo kết quả là soát, kiến nghị và đề xuất.
18	<p>13.50 cấp, gia hạn sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị vô tuyến điện dùng cho mục đích giải trí công nghệ tại văn bản, hội chợ.</p>	Cục Tản số VTD	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quy III	- Báo cáo kết quả là soát, kiến nghị và đề xuất.
19	<p>13.51 cấp, gia hạn sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện</p>	Cục Tản số VTD	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quy III	- Báo cáo kết quả là soát, kiến nghị và đề xuất.

	nghiệp dư.				
27	Cấp, gia hạn sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với truyền truyền dẫn viba.	Cục Tần số VTD	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý III	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị và đề xuất.
18	Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài cố định, đài bờ.	Cục Tần số VTD	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý IV	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị và đề xuất.
29	Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (không áp dụng đối với đài vệ tinh trái đất không thuộc hệ thống GMDSS).	Cục Tần số VTD	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý IV	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị và đề xuất.
30	Cấp, gia hạn, sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây.	Cục Tần số VTD	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý IV	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị và đề xuất.
Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử					
31	Cấp giấy chứng nhận đăng ký chương trình liên kết	Cục Quản lý Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý II	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị và đề xuất.
32	Thỏa thuận bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo cơ quan báo chí	Cục Quản lý Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý III	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị và đề xuất.
33	Cấp, đổi thẻ nghề báo	Cục Quản lý Phát	Văn phòng;	Quý III	- Báo cáo kết quả rà

			thành, truyền hình và thông tin điện tử	Vụ Pháp chế.		soát, kiến nghị và đề xuất.
24	Cấp giấy đăng ký cung cấp dịch vụ mạng và hội trực tuyến	Cục Quản lý Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cục Quản lý Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý IV	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị và đề xuất.
25	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin mạng từ tổng hợp	Cục Quản lý Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cục Quản lý Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý IV	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị và đề xuất.
26	Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Cục Quản lý Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cục Quản lý Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý IV	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị và đề xuất.
Lĩnh vực Báo chí In						
27	Cấp giấy phép hoạt động báo chí in	Cục Báo chí	Cục Báo chí	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý II	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị và đề xuất.
28	Cấp lại giấy phép hoạt động báo chí in	Cục Báo chí	Cục Báo chí	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý II	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị và đề xuất.
29	Cấp giấy phép nhập khẩu báo chí	Cục Báo chí	Cục Báo chí	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý II	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị và đề xuất.
30	Cấp lệ nhà báo	Cục Báo chí	Cục Báo chí	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý III	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị và đề xuất.

41	Cấp lại thẻ nhà báo	Cục Báo chí	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý III	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị về cơ nước.
42	Đổi thẻ nhà báo	Cục Báo chí	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý III	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị về cơ nước.
43	Cho phép sửa đổi, bổ sung những quy định trong giấy phép hoạt động báo chí in	Cục Báo chí	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý III	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị về cơ nước.
44	Cho phép hợp báo	Cục Báo chí	Văn phòng; Vụ Pháp chế	Quý III	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị về cơ nước.
45	Cấp giấy phép xuất bản phụ trương	Cục Báo chí	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý IV	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị về cơ nước.
46	Cấp giấy phép xuất bản số phụ	Cục Báo chí	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý IV	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị về cơ nước.
Lĩnh vực Công nghệ thông tin, điện tử					
47	Công nhận chủ kỹ số và chứng thư số nước ngoài	Cục Ứng dụng công nghệ thông tin	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	Quý II	- Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị về cơ nước.
48	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm	Cục Ứng dụng công	Văn phòng;	Quý II	- Báo cáo kết quả rà

	Báo an toàn chữ ký số	nghệ thông tin	Vụ Pháp chế.	soát, kiểm nghị và đề xuất.
49	Dăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng.	Cục Ứng dụng công nghệ thông tin	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm nghị và đề xuất.
50	Xin cấp chứng thư số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.	Cục Ứng dụng công nghệ thông tin	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm nghị và đề xuất.
51	Cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.	Cục Ứng dụng công nghệ thông tin	Văn phòng; Vụ Pháp chế.	- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm nghị và đề xuất.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG